

Số: 35/KH-TH&THCS.STr

Son Thủy, ngày 10 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin (CNTT),
Chuyển đổi số (CĐS) và Thông kê giáo dục (TKGD)
Năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy về việc thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

Căn cứ theo kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026:

Trường TH&THCS Sơn Trung xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thông kê giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. Mục đích yêu cầu:

1. Mục đích

- Thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong năm học nhằm hỗ trợ tốt cho công tác chuyên môn, quản lý trong nhà trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát huy năng lực học sinh.

- Phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, trong dạy học, giáo dục Stem.

- Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin trong nhà trường, có sự kết nối liên thông với các cấp quản lý.

- Nâng cao trình độ, kỹ năng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Giới thiệu các sản phẩm, giải pháp CNTT tiêu biểu đã ứng dụng thành công trong quản lý và giảng dạy, tạo môi trường và cơ hội giao lưu, chia sẻ, học tập kinh nghiệm, tiếp cận công nghệ mới về ứng dụng CNTT trong CB, GV nhà trường.

2. Yêu cầu

- Tất cả các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc hưởng ứng, tham gia các hoạt động đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý.
- Hình thành phong trào thi đua ứng dụng CNTT hiệu quả trong mọi hoạt động giáo dục và đào tạo của nhà trường.

II. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp trong việc xây dựng cơ sở vật chất nhà trường để nâng cao chất lượng CNTT trong giảng dạy và giáo dục.
- Sự hỗ trợ nhiệt tình của các cấp các ngành, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh trong việc tìm nguồn lực để nâng cao trình độ công nghệ thông tin.
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, tâm huyết, có tinh thần học hỏi, có khả năng ứng dụng CNTT cơ bản vào công tác giảng dạy và quản lý.
- Hệ thống phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ số đã được triển khai, bước đầu mang lại hiệu quả.
- Trang thông tin điện tử của trường hoạt động thường xuyên, góp phần truyền thông và chia sẻ thông tin.

2. Khó khăn

- Trang thiết bị CNTT chưa đồng bộ, số lượng máy tính tại phòng Tin học còn thiếu, một số thiết bị cũ, tốc độ chậm.
- Một bộ phận giáo viên còn hạn chế về kỹ năng số, chưa chủ động trong việc ứng dụng CNTT.
- Học sinh vùng miền núi còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận Internet và thiết bị học tập tại nhà.

III. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong nhà trường, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Duy trì, khai thác sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến để trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi giáo viên, mỗi học sinh.

- Khuyến khích giáo viên tiếp tục tổ chức hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện của mỗi cơ sở giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy - học ngay cả trong điều kiện học sinh đến lớp bình thường.

b) Tổ chức xây dựng học liệu số (bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học); đóng góp học liệu và

khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ GDĐT (<https://www.youtube.com/@igiaoduc>) trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

- Xây dựng kho học liệu số của nhà trường và lưu giữ theo từng môn học. Kho học liệu đảm bảo Upload các bài giảng điện tử, tài liệu giảng dạy đa dạng, hỗ trợ nhiều định dạng khác nhau; chia sẻ bài giảng trong toàn trường.

c) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến.

d) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy, học.

đ) Rà soát, sửa chữa, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học, đảm bảo tối đa 2 học sinh học chung 1 máy tính.

Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học.

Trên cơ sở kinh phí tự chủ, nhà trường rà soát, sửa chữa, mua sắm các thiết bị CNTT và các trang thiết bị khác có liên quan như: Máy vi tính; Hệ thống lưu trữ, thiết bị mạng; ti vi, máy in (photocopy, huỷ tài liệu...); thiết bị môn tin học, ngoại ngữ tương tác, ...

e) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu (CSDL) số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các phần mềm

- Sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử Smas.Edu, phần mềm hỗ trợ xếp thời khóa biểu, sử dụng hệ thống thư điện tử thông suốt từ giáo viên đến nhà trường, sở. Nhập liệu và quản lý, sử dụng tốt trang cơ sở dữ liệu ngành.

- Sử dụng tốt các trang và phần mềm như: Báo cáo trực tuyến EMIS, phổ cập giáo dục, khai thác thông tin trên trang <http://moet.gov.vn>, phần mềm kế toán MISA...

b) Thực hiện triển khai học bạ số trong nhà trường theo quy định của các cấp (Năm 2025 – 2026 thực hiện đối với lớp 1, 2, 3, 6, 7)

c) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Sở GDĐT và Bộ GDĐT; cập nhật đầy đủ và chính xác kết quả học tập, thông tin của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng học kỳ để phục vụ kỳ tuyển sinh các lớp đầu cấp (lớp 6).

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở GDĐT, Bộ GDĐT.

3. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong nhà trường; tăng cường ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt đối với học phí và các khoản thu khác. Thực hiện kết nối, tích hợp phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với hệ thống thanh toán điện tử nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, thuận tiện và an toàn trong quá trình thu – chi.

4. Tiếp tục xây dựng và hoàn thành các nhiệm vụ CNTT, CDS

- Thực hiện công tác tuyển sinh lớp 6 và đăng ký thi Tuyển sinh lớp 10 trên hệ thống của các cấp;

- Đẩy mạnh thực hiện hồ sơ số trong quản trị nhà trường;

- Ứng dụng Quản lý Kế hoạch bài dạy điện tử và hồ sơ điện tử trong nhà trường;

- Đầu tư mua sắm các thiết bị CNTT và các trang thiết bị khác có liên quan;

- Mở rộng, nâng cấp hệ thống Cổng Thông tin điện tử của nhà trường;

- Nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên thông qua các chương trình bồi dưỡng, tập huấn;

- Xây dựng kho học liệu, tổng hợp và các giải pháp phát triển học liệu điện tử phục vụ giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh nhằm đẩy mạnh phong trào tự học, tự nghiên cứu CBQL, GV, NV.

- Nâng cấp hệ thống mạng LAN, ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng của nhà trường.

IV. Một số giải pháp cơ bản

1. Tiếp tục triển khai Kế hoạch CDS năm 2025

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan, chủ động thực hiện các công việc khi UBND xã triển khai nhiệm vụ.

- Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục:

+ Ban hành quyết định thành lập Ban phụ trách, phân công nhiệm vụ các thành viên để triển khai công tác CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

+ Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyên đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu

thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng eLearning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả việc chấm điểm Bộ chỉ số Chuyển đổi số (DTI) các trường học.

2. Tăng cường công tác thể chế

Tăng cường quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT.

Tiếp tục nâng cấp tổng thể gói Internet cho toàn trường; Tiếp tục đăng ký UBND xã Sơn Thủy trang bị thêm máy tính dạy Tin học cho các khối lớp, phòng Thư viện – Thiết bị.

Hoàn thiện CSVC, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, tổ chức dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong các cơ sở giáo dục; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học; từng bước hình thành phòng thiết kế học liệu số và dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục.

3. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, CDS giáo dục

Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, tổ chức dạy môn Tin học, tổ chức dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong các cơ sở giáo dục; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học; từng bước hình thành phòng thiết kế học liệu số và dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục.

Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ cơ sở giáo dục, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 4G, 5G) cho học sinh, giáo viên và cơ sở giáo dục.

4. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động

giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày CDS quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hằng năm.

b) Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho giáo viên, tập trung vào việc sử dụng các công cụ số hỗ trợ soạn kế hoạch bài dạy, kiểm tra đánh giá, quản lý kết quả học tập của học sinh.

5. Triển khai gắn kết với Khung năng lực số học sinh – giáo viên

Các nội dung bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cần được thiết kế gắn với các miền năng lực – năng lực thành phần – chỉ báo năng lực số quy định trong Khung năng lực số của Bộ GDĐT, bảo đảm giáo viên không chỉ nắm được kỹ năng sử dụng công cụ, phần mềm mà còn biết vận dụng vào thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục.

Đối với học sinh, lồng ghép việc rèn luyện kỹ năng số trong các môn học và hoạt động giáo dục nhằm hình thành những năng lực thiết yếu: sử dụng thiết bị số an toàn, tìm kiếm và xử lý thông tin, tạo lập nội dung số cơ bản, giao tiếp – hợp tác trong môi trường số, tiến tới phát triển tư duy số và công dân số có trách nhiệm.

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm, đồng thời tổ chức đánh giá năng lực số của giáo viên và học sinh dựa trên các chỉ báo cụ thể trong Khung năng lực số; kết quả đánh giá được sử dụng để điều chỉnh nội dung bồi dưỡng, hỗ trợ cá nhân, tổ chuyên môn, đảm bảo tính thực chất và hiệu quả.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê trong giáo dục. Tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục.

V. Tổ chức thực hiện

- Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2025-2026 phù hợp với tình hình của nhà trường.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và thống kê giáo dục trong nhà trường;

- Triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 đến toàn thể CBGV-NV và PHHS;

- Giao trách nhiệm cá nhân phụ trách rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên hệ thống CDSL;

- Xây dựng kế hoạch về tài chính, nhân sự cho việc mua sắm, triển khai cơ sở vật chất thiết bị CNTT, xây dựng các phần mềm ứng dụng theo các kế hoạch, đề án được phê duyệt.

VI. Chế độ báo cáo

- Xây dựng Kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ của đơn vị gửi về UBND xã để tổng hợp, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện, chấm điểm thi đua năm học.

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS sau khi kết thúc Học kỳ 1.

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS sau khi kết thúc năm học.

Trên đây là Kế hoạch về ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục trong nhà trường năm học 2025-2026, trong quá trình thực hiện nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh để phù hợp với chỉ đạo cấp trên và điều kiện thực tế của đơn vị./.

Nơi nhận:

- P Hiệu trưởng;
- Các tổ trưởng chuyên môn;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Tiến Dũng